TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2025/HSPT
Ngày: 28-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Trần Đức Kiên.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 224/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Thị H và đồng phạm về tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc".

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

*Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị H, tên gọi khác: H1, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1977; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Thôn P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Trần Viên H2 (chết) và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1950; có chồng tên Trần Tấn Ấ, sinh năm 1970 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến ngày 01/04/2024 cho bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Bùi Thị Hương L, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1983; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Khu phố B, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Bùi Văn M, sinh năm 1966 và bà Trần Thị P, sinh năm 1966; có chồng tên Trương

Hồng T, sinh năm 1975 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: + Ngày 07/10/2015, bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", đã chấp hành xong; + Ngày 05/04/2016, bị Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.000.000đ về hành vi "Đánh bạc", đã chấp hành xong; tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Thị P1, tên gọi khác: C; sinh ngày 24 tháng 11 năm 1958; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là Thôn C, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk) giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Nguyễn Hữu C1 (chết) và bà Lại Thị T1 (chết); có chồng Huỳnh H4, sinh năm 1963 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: + Ngày 19/01/2021, bị Công an xã H, thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Lương Thị B, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1970; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Thôn P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Lương Đ, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1934; có chồng Nguyễn Văn T2 (chết) và 01 con (chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Văn H6, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1984; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; (Nay là Thôn L, xã T, tỉnh Đắk Lắk) giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Thu H8, sinh năm 1964; có vợ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1991 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Trịnh Minh T3, tên gọi khác: Bác G; sinh ngày 07 tháng 3 năm 1985; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; (Nay là Khu phố D, phường T, tỉnh Đắk Lắk) giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Chạy xe ba gác (Lao động tự do); trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; con ông Trịnh K, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T4 (tên gọi khác T5) (chết); có vợ Ngô Thị Minh H9 (tên gọi khác Nguyễn Thị Minh H10), sinh năm 1984 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh 2013; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: + Ngày 26/4/2024, bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 250.000.000 đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024; bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Phan Thị B1 (tên gọi khác: G), sinh ngày 28 tháng 6 năm 1983; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố C, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Khu phố N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là Khu phố N, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk) giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; con

ông Phan Ngọc T6, sinh năm 1951 và bà Lê Thị Bích C2, sinh năm 1955; có chồng Trần Văn T7, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. Huỳnh Thị S, tên gọi khác: Bốn S1, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1964; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Thôn P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; con ông Huỳnh N (chết) và bà Nguyễn Thị L1 (chết); tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: + Ngày 11/4/2021, bị Công an xã H, thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại; có mặt.

9. Trần Thị Ngọc L2, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1970; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Thôn P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Trần B2 (chết) và bà Nguyễn Thị L1 (chết); có chồng Ngô Công C3, sinh năm 1963 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

10. Nguyễn Ngọc H11, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1970; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Thôn P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; con ông Nguyễn Ngọc T8 (chết) và Nguyễn Thị H12, sinh năm 1945; có vợ Nguyễn Thị L3, sinh năm 1971 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

11. Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1979; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; (Nay là: Thôn P, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 2/12; con ông Nguyễn Hữu L4 (chết) và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1950; có chồng Nguyễn Thanh D1, sinh năm: 1973 và 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Ngọc H11, Trần Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Kim O: Ông Lê Văn K1 – Luật sư, Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Hãng Luật Lê Gia thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm thu lợi bất chính, Trần Thị H, Bùi Thị Hương L, Mai Thị Kim C4, Nguyễn Thị P1 đã bàn bạc, thống nhất với Lương Thị B, Trịnh Minh T3, Lê Xuân H13, Nguyễn Ngọc H11, Trần Minh Đ1, Nguyễn Văn H6, Trần Quốc T9, Phan Thị B1, Nguyễn Thị Kim O, Phan Thị H14, Huỳnh Thị S, Lưu Thị T10, Trần Thị

Ngọc L2, Lê Huỳnh Thị H15, Võ Thanh T11, Lưu Bảo T12 và nhiều người khác trên địa bàn tỉnh Phú Yên để tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức số đề thắng thua bằng tiền theo kết quả xổ số kiến thiết hằng ngày của đài miền T13 và đài miền B.

Các đối tượng sử dụng nhiều phương thức khác nhau để ghi và chuyển tịch đề cho nhau như ghi trực tiếp ra giấy, gọi hoặc nhắn tin qua điện thoại, sử dụng mạng xã hội như Zalo, V, T14, …. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết, so sánh với các con số đề đã ghi để xác định thắng thua, tính tiền thắng thua và chung tiền với nhau bằng cách chuyển qua tài khoản ngân hàng hoặc gặp trực tiếp để giao nhận tiền.

Khoảng 18 giờ ngày 16/01/2024, Công an tỉnh P kiểm tra phát hiện bắt quả tang các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc ở nhiều địa điểm khác nhau. Kết quả điều tra, Cơ quan điều tra xác định các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc như sau:

1. Trần Thị H: Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 16/01/2024, đã 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng và trên 10 người, 04 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 12.062.000 đồng (tiền ghi đề 8.467.000 đồng; tiền thắng 3.595.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 9.335.000 đồng (tiền ghi đề 7.575.500 đồng; tiền thắng 1.800.000 đồng).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Phú Yên với tổng số tiền đánh bạc là 24.278.000 đồng (tiền ghi đề 20.278.000 đồng; tiền thắng 4.000.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 16.744.500 đồng (tiền ghi đề 15.344.500 đồng; tiền thắng 1.400.000 đồng).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 84.436.700 đồng (tiền ghi đề 48.956.700 đồng; tiền thắng 35.480.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 16.228.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, H còn có 04 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã đánh bạc là 165.499.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 35.209.100 đồng.

2. Mai Thị Kim C4: Các ngày 15/01/2024 và 16/01/2024, đã 03 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 10 người, tổng số tiền đánh bạc là 176.377.000 đồng, kết quả chung là thua nên không thu lợi bất chính, cụ thể:

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 59.010.000 đồng (tiền ghi đề 17.010.000 đồng; tiền thắng 42.000.000 đồng).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 95.456.000 đồng (tiền ghi đề 37.076.000 đồng; tiền thắng 58.380.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 21.911.000 đồng (tiền ghi đề).

3. Bùi Thị Hương L: Từ ngày 14/01/2024 đến ngày 16/01/2024, đã 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 20.000.000 đồng và trên 10 người, 05 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 79.604.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.593.919 đồng, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 7.024.500 đồng (tiền ghi đề 5.904.500 đồng; tiền thắng 1.120.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 6.517.000 đồng (tiền ghi đề 5.867.000 đồng; tiền thắng 650.000 đồng).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Phú Yên với tổng số tiền đánh bạc là 5.365.500 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 7.401.000 đồng (tiền ghi đề 3.881.000 đồng; tiền thắng 3.520.000 đồng).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 35.293.500 đồng (tiền ghi đề 22.513.500 đồng; tiền thắng 12.780.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 18.003.000 đồng (tiền ghi đề).

4. Nguyễn Thị P1: Từ ngày 14/01/2024 đến ngày 16/01/2024, đã 05 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 10 người, 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 198.189.700 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.683.768 đồng, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 18.558.500 đồng (tiền ghi đề 12.708.500 đồng; tiền thắng 5.850.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 20.540.000 đồng (tiền ghi đề 10.740.000 đồng; tiền thắng 9.800.000 đồng).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Phú Yên với tổng số tiền đánh bạc là 37.932.500 đồng (tiền ghi đề 25.752.500 đồng; tiền thắng 12.180.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 36.363.000 đồng (tiền ghi đề 17.892.000 đồng; tiền thắng 18.390.000 đồng).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 62.764.700 đồng (tiền ghi đề 35.774.700 đồng; tiền thắng 26.990.000 đồng); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 22.031.000 đồng (tiền ghi đề).

5. Lương Thị B: Các ngày 15/01/2024 và 16/01/2024, đã 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 10 người, 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 66.076.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 10.199.336 đồng, cụ thể:

+ Ngày 15/01/2024: theo đài miền T, tỉnh Phú Yên với tổng số tiền đánh bạc là 15.082.500 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 22.162.000đ (tiền ghi đề).

+ Ngày 16/01/2024: theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 21.358.000 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 7.474.000 đồng (tiền ghi đề).

6. Trịnh Minh T3: Ngày 16/01/2024, đã tổ chức đánh bạc 02 lần với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 25.923.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.782.368 đồng, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 12.589.500 đồng (tiền ghi đề 11.029.500đ; tiền thắng: 1.560.000đ); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 13.334.000 đồng (tiền ghi đề).

7. Lê Xuân H13: Ngày 16/01/2024, đã 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 6.199.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, H13 còn có 03 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền H13 đã đánh bạc là 14.943.000 đồng, kết quả chung là thua nên không thu lợi bất chính.

8. Trần Minh Đ1: Ngày 16/01/2024, đã 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 12.545.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.328.332 đồng, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 6.128.000 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 6.417.000 đồng (tiền ghi đề).

9. Phan Thị H14: Từ ngày 14/01/2024 đến ngày 16/01/2024, H14 đã 03 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 6.546.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Phú Yên với tổng số tiền đánh bạc là 8.221.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 18.533.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, H14 còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền H14 đã đánh bạc là 33.596.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.708.354đ.

10. Trần Quốc T9: Từ ngày 14/01/2024 đến ngày 16/01/2024, đã 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 9.433.500 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, T9 còn có 03 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền T9 đã đánh bạc là 12.581.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.909.761 đồng.

11. Phan Thị B1: Từ ngày 14/01/2024 đến 16/01/2024, đã 04 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 6.129.500 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 6.517.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 7.401.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 13.270.500 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, B1 còn có 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền B1 đã đánh bạc là 41.984.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 6.707.936 đồng.

12. Huỳnh Thị S: Ngày 16/01/2024, đã 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 6.553.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 844.798 đồng, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 6.553.500 đồng (tiền ghi đề 4.003.500 đồng; tiền thắng 2.550.000 đồng).

13. Trần Thị Ngọc L2: Các ngày 14/01/2024 và 15/01/2024, đã 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 5.094.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 12.130.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, L2 còn có 02 lần tổ chức đánh bạc với số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền L2 đã đánh bạc là 19.413.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.918.059 đồng.

14. Lê Huỳnh Thị H15: Ngày 16/01/2024, đã 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 7.990.000 đồng (tiền ghi đề). Ngoài ra, H15 còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền H15 đã đánh bạc là 8.064.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 655.810 đồng.

15. Nguyễn Ngọc H11: Các ngày 15/01/2024 và ngày 16/01/2024, đã 02 lần đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 19.731.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.425.764 đồng, cụ thể:

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Phú Yên với tổng số tiền đánh bạc là 14.384.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 16/01/2024: theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 5.347.000 đồng (tiền ghi đề).

16. Lưu Thị T10: Ngày 16/01/2024, đã 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, cụ thể: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 7.096.000 đồng (tiền ghi đề). Ngoài ra, T10 còn có 01 lần tổ chức đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền T10 đã đánh bạc là 7.493.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 756.918 đồng.

17. Nguyễn Văn H6: Các ngày 15/01/2024 và 16/01/2024, đã 02 lần đánh bạc với số tiền mỗi lần trên 50.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 59.010.000 đồng (tiền ghi đề 17.010.000 đồng; tiền thắng 42.000.000 đồng).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 86.240.000 đồng (tiền ghi đề 30.240.000 đồng; tiền thắng 56.000.000 đồng).

Ngoài ra, H6 còn có 01 lần đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền H6 đã đánh bạc là 147.410.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 62.041.400 đồng.

18. Nguyễn Thị Kim O: Từ ngày 14/01/2024 đến ngày 16/01/2024, đã 05 lần đánh bạc với số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Khánh Hòa với tổng số tiền đánh bạc là 7.760.000 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 7.688.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 15/01/2024: Theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 10.468.000 đồng (tiền ghi đề).

+ Ngày 16/01/2024: Theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 6.760.000 đồng (tiền ghi đề); theo đài miền B với tổng số tiền đánh bạc là 6.964.000 đồng (tiền ghi đề).

Ngoài ra, O còn có 01 lần đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền O đã đánh bạc là 43.796.000 đồng, kết quả chung là thua nên không thu lợi bất chính.

19. Võ Thanh T11: Ngày 16/01/2024, đã 01 lần đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000đ, cụ thể: theo đài miền T, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền đánh bạc là 6.173.000 đồng (tiền ghi đề). Ngoài ra, T11 còn có 01 lần đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền T11 đã đánh bạc là 6.767.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.886.227 đồng.

20. Lưu Bảo T12: Có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích, ngày 16/01/2024, T12 trực tiếp đánh bạc dưới hình thức ghi số đề được thua bằng tiền với Trịnh Minh T3 với số tiền đánh bạc là 360.000 đồng (tiền ghi đề).

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Trần Thị H, Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc";

- Bị cáo Mai Thị Kim C4 phạm tội "Tổ chức đánh bạc";

- Bị cáo Nguyễn Văn H6, Trịnh Minh T3, Lê Xuân H13, Trần Minh Đ1, Phan Thị H14, Trần Quốc T9, Phan Thị B1, Huỳnh Thị S, Trần Thị Ngọc L2, Lê Huỳnh Thị H15, Lưu Thị T10, Nguyễn Ngọc H11, Nguyễn Thị Kim O, Võ Thanh T11 và Lưu Bảo T12 phạm tội "Đánh bạc".

1. Về hình phạt:

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm a, c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự; phạt:

1.1. Bị cáo Trần Thị H – 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 06 (S2) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thị H chấp hành hình phạt chung 02 (H16) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến ngày 01/04/2024.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm a, c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 (đối với tội Đánh bạc); Điều 55 Bộ luật Hình sự; phạt:

1.2. Bị cáo Bùi Thị Hương L – 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 06 (S2) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Thị Hương L chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 (Đối với tội Tổ chức đánh bạc); Điều 55 Bộ luật Hình sự, phạt:

1.3. Bị cáo Nguyễn Thị P1 – 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 06 (S2) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị P1 chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 (đối với tội "Đánh bạc"); Điều 55 Bộ luật Hình sự; phạt:

1.4. Bị cáo Lương Thị B – 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 03 (Ba) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Thị B chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; phạt:

1.5. Bị cáo Mai Thị Kim C4 – 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội "Tổ chức đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến ngày 01/04/2024.

- Áp dụng Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 321; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự; phạt:

1.6. Bị cáo Nguyễn Văn H6 – 02 (H16) năm tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; thêm Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Minh T3, Phan Thị H14, Phan Thị B1, Trần Thị Ngọc L2, Nguyễn Ngọc H11, Nguyễn Thị Kim O; thêm Điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thị S; phạt:

1.7. Bị cáo Trịnh Minh T3 – 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

1.8. Bị cáo Phan Thị H14 – 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.9. Bị cáo Phan Thị B1 – 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.10. Bị cáo Trần Thị Ngọc L2 – 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.11. Bị cáo Nguyễn Ngọc H11 – 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.12. Bị cáo Nguyễn Thị Kim O – 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.13. Bị cáo Huỳnh Thị S – 06 (S2) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1, Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; thêm Khoản 3 Điều 321; Điểm i, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Quốc T9, Lê Xuân H13, Lê Thị Huỳnh H17, Lưu Thị T10; thêm Điểm i, p, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thanh T11; thêm Điểm x, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Thị T10; thêm Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh Đ1.

1.14. Bị cáo Trần Quốc T9 – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.15. Bị cáo Lê Xuân H13 – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.16. Bị cáo Trần Minh Đ1 – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.17. Bị cáo Lê Huỳnh Thị H15 – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.18. Bị cáo Lưu Thị T10 – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.19. Bị cáo Võ Thanh T11 – 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Võ Thanh T11.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 02/4/2025, bị cáo Trần Thị H có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 28/3/2025, bị cáo Bùi Thị Hương L có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị P1 có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và được giảm tiền phạt bổ sung.

- Ngày 01/4/2025, bị cáo Lương Thị B có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 03/4/2025, bị cáo Nguyễn Văn H6 có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 04/4/2025, bị cáo Trịnh Minh T3 có Đơn kháng cáo với nội dung xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

- Ngày 31/3/2025, bị cáo Phan Thị B1 có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 02/4/2025, bị cáo Huỳnh Thị S có Đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và được giảm tiền phạt bổ sung.

- Ngày 04/4/2025, bị cáo Trần Thị Ngọc L2 có Đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

- Ngày 02/4/2025, bị cáo Nguyễn Ngọc H11 có Đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

- Ngày 02/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị Kim O có Đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Để thu lợi bất chính, từ hoạt động tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức số đề ăn thua bằng tiền; từ ngày 07/01/2024 đến ngày 16/01/2024, trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Trần Thị H 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng và trên 10 người, 04 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 04 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 165.499.700 đồng, thu lợi bất chính 35.209.100 đồng; Bùi Thị Hương L 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 20.000.000 đồng và trên 10 người, 05 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 79.604.500 đồng, thu lợi bất chính 8.593.919 đồng; Nguyễn Thị P1 05 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 10 người, 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 198.189.700 đồng, thu lợi bất chính 10.683.768 đồng; Lương Thị B 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 10 người, 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 66.076.500 đồng, thu lợi bất chính 10.199.336 đồng; Mai Thị Kim C4 03 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 20.000.000 đồng nhưng dưới 10 người, tổng số tiền đánh bạc là 176.377.000 đồng; Nguyễn Văn H6 02 lần đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 50.000.000 đồng, 01 lần đánh bạc có số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 147.410.000 đồng, thu lợi bất chính 62.041.400 đồng; Trịnh Minh T3 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 25.923.500 đồng, thu lợi bất chính 5.782.368 đồng; Lê Xuân H13 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 03 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 14.943.000 đồng; Trần Minh Đ1 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 12.545.000 đồng, thu lợi bất chính 2.328.332 đồng; Phan Thị H14 03 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới

20.000.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 33.596.000 đồng, thu lợi bất chính 3.708.354 đồng; Trần Quốc T9 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 03 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 12.581.500 đồng, thu lợi bất chính 1.909.761 đồng; Phan Thị B1 04 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 41.984.500 đồng, thu lợi bất chính 6.707.936 đồng; Huỳnh Thị S 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, với tổng số tiền đánh bạc là 6.553.500 đồng, thu lợi bất chính 844.798 đồng; Trần Thị Ngọc L2 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 02 lần tổ chức đánh bạc có số tiền mỗi lần dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 19.413.000 đồng, thu lợi bất chính 3.918.059 đồng; Lê Huỳnh Thị H15 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 8.064.000 đồng, thu lợi bất chính 655.810 đồng; Lưu Thị T10 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người, 01 lần tổ chức đánh bạc có số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 7.493.000 đồng, thu lợi bất chính 756.918 đồng; Nguyễn Ngọc H11 02 lần đánh bạc có số tiền mỗi lần trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 19.731.000 đồng, thu lợi bất chính 3.425.764 đồng; Nguyễn Thị Kim O 05 lần đánh bạc có số tiền mỗi lần đánh bạc trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, 01 lần đánh bạc có số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 43.796.000 đồng; Võ Thanh T11 01 lần đánh bạc có số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, 01 lần đánh bạc có số tiền dưới 5.000.000 đồng, với tổng số tiền đánh bạc là 6.767.000 đồng, thu lợi bất chính 1.886.227 đồng; Lưu Bảo T12 có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, dùng số tiền 360.000 đồng đánh bạc.

Mặc dù, hành vi của các bị cáo Trần Thị H, Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B là "Tổ chức đánh bạc". Tuy nhiên, ngoài các lần "Tổ chức đánh bạc" dưới hình thức số đề thắng thua bằng tiền đã cấu thành tội phạm; thì Trần Thị H còn tổ chức 04 lần, Bùi Thị Hương L còn tổ chức 05 lần, Nguyễn Thị P1 còn tổ chức 01 lần, Lương Thị B còn tổ chức 02 lần. Cũng như vậy, các bị cáo Mai Thị Kim C4 tổ chức 03 lần, Trịnh Minh T3 tổ chức 02 lần, Lê Xuân H13 tổ chức 01 lần, Trần Minh Đ1 tổ chức 02 lần, Phan Thị H14 tổ chức 03 lần, Trần Quốc T9 tổ chức 01 lần, Phan Thị B1 tổ chức 04 lần, Huỳnh Thị S tổ chức 01 lần, Trần Thị Ngọc L2 tổ chức 02 lần, Lê Huỳnh Thị H15 tổ chức 01 lần, Lưu Thị Thủy tổ C5 01 lần mà số tiền đánh bạc trong 01 lần từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng và dưới 10 người. Theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì các lần tổ chức đánh bạc này, các bị cáo Trần Thị H, Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B, Mai Thị Kim C4, Trịnh Minh T3, Lê

Xuân H13, Trần Minh Đ1, Phan Thị H14, Trần Quốc T9, Phan Thị B1, Huỳnh Thị S, Trần Thị Ngọc L2, Lê Huỳnh Thị H15, Lưu Thị T10 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tổ chức đánh bạc", nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội "Đánh bạc".

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) đã xét xử các bị cáo Trần Thị H, Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn H6, Trịnh Minh T3, Phan Thị B1, Huỳnh Thị S, Trần Thị Ngọc L2, Nguyễn Ngọc H11, Nguyễn Thị Kim O, phạm tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ, hưởng án treo của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an nình trật tự tại địa phương.

[2.2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng. Nhưng có các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại nhằm khắc phục một phần hậu quả; bị cáo từng tham gia nghĩa vụ Công an, bà nội bị cáo là mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ bị cáo là người bị khuyết tật nặng được trợ cấp xã hội hàng tháng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Các bị cáo có bổ sung thêm các tài liệu, chứng cứ mới như: nộp tiền phạt bổ sung, hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công cách mạng, hồ sơ bệnh án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.3] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, H6; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo còn lại và sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B, Trịnh Minh T3, Phan Thị B1, Huỳnh Thị S, Trần Thị Ngọc L2, Nguyễn Ngọc H11, Nguyễn Thị Kim O phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn H6 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Văn H6; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B, Trịnh Minh T3, Phan Thị B1, Huỳnh Thị S, Trần Thị Ngọc L2, Nguyễn Ngọc H11, Nguyễn Thị Kim O. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm a, c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 06 (S2) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Thị H chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến ngày 01/04/2024.

1.2. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm a, c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 (đối với tội Đánh bạc); Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Hương L 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 06 (S2) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Thị Hương L chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

1.3. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 (Đối với tội Tổ chức đánh bạc); Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P1 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 06 (S2) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị P1 chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 (đối với tội "Đánh bạc"); Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Thị B 01 (Một) năm tù, về tội "Tổ chức đánh bạc"; 03 (Ba) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Thị

B chấp hành hình phạt chung 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.5. Áp dụng Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 321; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.6. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T3 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024.

1.7. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị B1 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.8. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L2 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.9. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H11 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.10. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim O 07 (B3) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.11. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị S 06 (Sáu) tháng tù, về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Bùi Thị Hương L, Nguyễn Thị P1, Lương Thị B, Trịnh Minh T3, Phan Thị B1, Huỳnh Thị S, Trần Thị Ngọc L2, Nguyễn Ngọc H11, Nguyễn Thị Kim O, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn Văn H6 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường